LIÊN CHI HỘI TIM MẠCH NHI VÀ TIM BẨM SINH TP. HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2023

KẾ HOẠCH KHÁM BỆNH VÀ CHỮA BỆNH NHÂN ĐẠO CHO NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG:

1. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM.

- Thời gian: Ngày 7-9/07/2023
- Địa điểm: thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

2. THÀNH PHẦN

- Đối tượng ở tất cả các độ tuổi, ưu tiên người dân có hoàn cảnh khó khăn.
- Số lượng dự kiến: đa khoa: 1000-1500 người, nha khoa: 1000-1500 người, siêu âm tim: 800-1000 trẻ nhỏ

3. NỘI DUNG

3.1 Phạm vi hoạt động: Khám và điều trị nội khoa, siêu âm sàng lọc tim bẩm sinh (phối hợp với quỹ Nhịp Tim Việt Nam), nha khoa tổng quát (phối hợp với đội nha khoa từ thiện của Bệnh Viện Răng Hàm Mặt Tp. HCM).

3.2 Danh mục kỹ thuật:

TT	Thứ tự kĩ thuật theo danh mục của Bộ Y Tế	Tên kĩ thuật	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
5	02.0314.0001	Siêu âm tim	
6	16. 67	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glass Ionomer Cement kết hợp Composite	
7	16. 70	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glass Ionomer Cement	
8	16. 50	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	
9	16. 68	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	
10	16. 72	Phục hồi cổ răng bằng Composite	
11	16. 204	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	
12	16. 205	Nhổ chân răng vĩnh viễn	
13	16. 206	Nhổ răng thừa	
14	16. 203	Nhổ răng vĩnh viễn	
15	16. 41	Điều trị viêm quanh răng	

Căn cứ danh mục khám chữa bệnh theo thông tư số 43/2013/TT-BYT ban hành ngày 11/12/2013 của Bộ Y Tế.

4. NGUỒN KINH PHÍ:

- Số tiền: 500.000.000 đồng
- Nguồn kinh phí: liên chi hội Tim mạch Nhi và Tim bẩm sinh TP.HCM

PHẦN II. DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

1.1 Danh mục trang thiết bị nội khoa

STT	Tên thiết bị	Số lượng
1	Ống nghe	05
2	Máy đo SpO2	02
3	Máy siêu âm tim xách tay	05
4	Máy đo huyết áp	08
5	Máy đo đường huyết	24
6	Máy đo mỡ máu	05
7	Que thử đường huyết	3000
8	Que thử mỡ máu	261
9	Kim thử đường huyết	3000
10	Kim thử mỡ máu	3000
11	Ống mao dẫn cho đo mỡ máu	1400
12	Máy điện tâm đồ	1
13	Bông cồn	3000
14	Băng cá nhân	6000

1.2 Danh mục thuốc nội khoa

STT	Tên hoạt chất (nồng độ/hàm lượng)	Tên thương mại	Đơn vị tính	Số lượng
1	Amlodipin 5mg	Amlodipin 5mg	Viên	1000
2	Amlodipin 5mg	Kavasdin 5	Viên	1728
3	Aspirin 81mg	Aspirin	Viên	50
4	Bisoprolol 2,5mg	Bihasal 2.5	Viên	500
5	Enalapril 5mg	Enalapril Stada 5 mg	Viên	1170
6	Enalapril 5mg	Vinlaril	Viên	300
7	Furosemid 40mg	Furosemid	Viên	600
8	Furosemid 40mg	Diurefar	Viên	120
9	Metformin 850mg	Glucofine 850 mg	Viên	800
10	Nifedipin 20mg	Nifedipin	Viên	270
11	Nifedipin 20mg	Nifedipin T 20 STADAâ retard	Viên	200

12	Nifedipin 20mg	Nifedipin Hasan 20 retard	Viên	300
13	Trimetazidin 20mg	Vaslaselli	Viên	900
14	Albedazol 400mg	Albendazol Stada 400 mg	Viên	114
15	Alverin citrat 40mg	Spasmonavin	Viên	1500
16	Alverin citrat 40mg	Harine	Viên	630
17	Alverin citrat 40mg	Alverin citrat 40 mg	Viên	322
18	Berberin 100mg	Berberin	Viên	100
19	Bisacodyl 5mg	Bisacodyl	Viên	200
20	Diosmectite 3g	Hamett	gói	240
21	Domperidon 10mg	Mocovium	Viên	370
22	Domperidon 10mg	Domperidone	Viên	450
23	Domperidon 10mg	Mutecium-M	Viên	175
24	Lactoluse 15g	Duphalac	gói	10
25	Loperamide 2mg	Loperamid	Viên	620
26	Loperamide 2mg	Perigolric	Viên	450
27	Men tiêu hóa Bacilus	L-Bio	gói	100
28	Men tiêu hóa Bacilus 5mg	Biosubtyl-II	gói	110
29	Omeprazol 20mg	Kagasdin	Viên	2352
30	Sorbitol 5mg	Sorbitol	gói	870
31	Bromhexin 8mg	Bixovom 8	Viên	1080
32	Bromhexin 8mg	Disolvan	Viên	400
33	Bromhexin 8mg	Bromhexin	Viên	500
34	Cetirizin 10mg	Cetirizin	Viên	2000
35	Cetirizin 10mg	Kacerin	Viên	300
36	Cetirizin 10mg	Aryzaltec	Viên	700
37	Cinnarizin 25mg	Cinnarizin 25mg	Viên	630
38	Clopheniramin 4mg	Clopheniramin 4mg	Viên	3000
39	Dexamthason 4mg	Dexamethason	Viên	1000
40	Diclofenac Natri 50mg	Diclofenac	Viên	4276
41	Fexofenadin 180mg	Fefasdin 180	Viên	200
42	Meloxicam 7,5mg	Meloxicam	Viên	900
43	Paracetamol 500mg	Paracetamol	Viên	9000
44	Paracetamol 500mg	Taxanzan	Viên	100
45	Paracetamol 500mg	Panactol	Viên	100
46	Paracetamol + Clopheniramin 325mg + 2mg	Tacodolgen	Viên	1440
47	Paracetamol + Guaifenesin + Oxomemazine + sodium benzoate	Toprevin	Viên	408

48	Paracetamol + Ibuprofen 375 mg + 125mg	Ibuparavic	Viên	720
49	Prednisolon 5mg	Hydrocolacyl	Viên	800
50	Prednisolon 5mg	Prednison 5mg	Viên	3365
51	Salbutamol 2mg	Hasalbu 2	Viên	450
52	Salbutamol 4mg	Salbutamin	Viên	580
53	Terpin Codein 5mg	Terpin Codein	Viên	1140
54	Amoxicillin 500mg	Amoxicillin 500mg	Viên	36
55	Cephalexin 250mg	Cephalexin	Viên	200
56	Ciprofloxacin 500mg	Ciprofloxacin	Viên	556
57	Ciprofloxacin 500mg	Ecoflox	Viên	1500
58	Ketoconazol 5mg	Ketoconazol	Tube	34
59	Ketoconazol 0,02	Kentax	Tube	22
60	Sulfamethoxazole + Trimethoprim 480mg	Vicometrim 480	Viên	100
61	Sulfamethoxazole + Trimethoprim 480mg	Cotrim	Viên	100
62	Calcium 750mg	Calcium- D	Viên	2450
63	Dung dịch vệ sinh phụ nữ	Lanette	Chai	85
64	Ginkgo biloba 40mg	Ginkgo biloba	Viên	300
65	Magie + Vitamin B6 500mg	Magne - B6	Viên	1200
66	Sắt + Acid Folic	Fe-Folic	Viên	2290
67	Vitamin 3B 500mg	Vitamin 3B	Viên	100
68	Vitamin A 5000UI	Vitamin A	Viên	100
69	Vitamin A-D 5000UI	Vitamin A - D	Viên	60
70	Vitamin PP 500mg	Vitamin PP 500mg	Viên	300

2.1 Danh mục trang thiết bị nha khoa

STT	Tên thiết bị	Số lượng
1	Ghế nha khoa lưu động	15
2	Máy nha khoa lưu động	15
3	Đèn trám thẩm mỹ Woodpecker	8
4	Máy hấp vô trùng dụng cụ Melag, Actostar	4
5	Tay khoan nha khoa	15
6	Đèn đeo đầu	20
7	Máy hút nước bọt	8
8	Dụng cụ nhổ răng (kềm, ống chích sắt, nạy)	200
9	Dụng cụ khám và trám răng	300

10	Máy trộn xi măng nha khoa	4
11	Xe đẩy inox dụng cụ	6
12	Hộp inox vô trùng	10

2.2 Danh mục vật liệu nha khoa

STT	Tên hoạt chất (nồng độ)	Tên thương mại	Đơn vị tính	Số lượng	Nơi sản xuất	Số đăng ký	Hạn sử dụng
1	Thuốc tê Lidocaine 2%	Septodont Lignospan	ống	750	Canada		8/2024
2	Composite	Ivoclar Tetric N-ceram	Ống 4g	30	Úc, Mỹ		1/2025
3	Xi măng nha khoa Glass ionomer	Fuji IX, GC	Hộp	10	Úc, Nhật		2/2025
4	Thuốc sát trùng phẫu thuật	Cavicide, Anios	Bình	5	Pháp		3/2025
5	Thuốc bơm rửa ống tuỷ	Canalpro 3%	Chai	2	Pháp		7/2024
6	Etching soi mòn để trám răng	Ivoclar Tetric N-etch	Ống	10	Úc		1/2025
7	Keo dán trám răng	Ivoclar Bonding Universal	Lọ	10	Mỹ		4/2024
8	Côn chữa tuỷ	VDW	Hộp	4	Nhật		10/2024
9	Bioroot RCS	Septodont	Hộp	4	Pháp		12/2024
10	Bột Oxide Kẽm	Septodont	Lọ	2	Mỹ		3/2024
11	Spongel cầm máu	R&S	Gói	10	Pháp		9/2024
12	Kim chỉ khâu	3-0 Catgut	Gói	30	Đức		2/2025
13	Thuốc chống sốc phản vệ	VN	Bộ	02	VN		4/2024

2.3 Danh mục thuốc nha khoa

STT	Tên biệt dược (nồng độ)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Amoxicillin 500mg	viên	1000
2	Erythromycin 250mg	gói	200
3	Rodogyl (Spiramycin+Metronidazole)	viên	100
4	Amoxicillin 500mg +Acid clavulanic 125mg	viên	200
5	Prednisone 5mg	viên	200
6	Methylprednisolone 16mg	viên	200

7	Ibuprofen 400mg	Viên	300
8	Ibuprofen 200mg	viên	300
9	Paracetamol 500mg (dạng sủi)	viên	500

LCH TIM MẠCH NHI VÀ TIM BẨM SINH TP.HCM

Chủ tịch

TS. ĐỖ NGUYÊN TÍN

LIÊN CHI HỘI TIM MẠCH NHI VÀ TIM BẨM SINH TP. HỒ CHÍ MINH
341 Sư Vạn Hạnh, phường 10, quận 10, Tp. HCM
F: [+84] 913723437 E: donguyentin@congenitalheartdisease.net.vn

LIÊN CHI HỘI TIM MẠCH NHI VÀ TIM BẨM SINH TP. HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2023

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH TỪ THIỆN TẠI THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

1. Nhân sự y tế từ Việt Nam

STT	Họ và tên người hành nghề	Vị trí chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp
1	TS. BS. Đỗ Nguyên Tín	BS điều trị	Nội Nhi Tim Mạch	001725/BYT-CCHN
2	BS. Đào Anh Quốc	BS điều trị	Nội Nhi Tim Mạch	005474/HCM-CCHN
3	TS. BS. Nguyễn Hoàng Định	BS điều trị	Ngoại Tim Mạch	001277/BYT-CCHN
4	TS. BS. Nguyễn Quang Tâm	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	0023421/BYT-CCHN
5	BS. Nguyễn Văn Hoàng Hải	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	010974/ĐNAI-CCHN
6	BS. Nguyễn Mậu Hữu Vinh	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	010901/ĐNAI-CCHN
7	BS. Nguyễn Đức Thắng	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	044476/HCM-CCHN
8	ThS. BS. Nguyễn Quốc Thắng	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	037626/HCM-CCHN
9	BSCKI. Phạm Thái Hồng Diễm	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	0030746/HCM-CCHN
10	BS. Phạm Phước Danh	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	004566/TV-CCHN
11	BSCKI. Trần Thị Mỹ Ngọc	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	004950/HCM-CCHN
12	BS. Đào Nhật Nguyên	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	0049539/HCM-CCHN
13	ThS. BS. Quách Hữu Thịnh	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	042759/HCM-CCHN
14	BS. Phan Thị Hà My	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	006066/BD-CCHN
15	BS. Nguyễn Hữu Tài	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng	7542/KG-CCHN

			Hàm Mặt	
16	BS. Bùi Trung Hiếu	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	009972/ĐL-CCHN
17	BS. Trần Thanh Phút	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	004536/TG-CCHN
18	BS. Nguyễn Quốc Bảo	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	07487/ĐT-CCHN
19	ĐD. Thái Kim Định	Điều dưỡng	Điều dưỡng	013580/HCM-CCHN
20	ĐD. Đinh Thị Thu Trang	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002066/BYT-CCHN
21	ĐD. Nguyễn Thị Như Trầm	Điều dưỡng	Điều dưỡng	044946/HCM-CCHN
22	ĐD. Trần Thị Nhàn	Điều dưỡng	Điều dưỡng	004990/QNG-CCHN
23	ĐD. Nguyễn Thị Thu Hằng	Điều dưỡng	Điều dưỡng	013586/HCM-CCHN
24	ĐD. Lê Minh Phụng	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0026448/HCM-CCHN
25	BSCKI. Lưu Hòa Hiệp	BS điều trị	Y khoa tổng quát	000481/BL-CCHN
26	BSCKII. Phạm Thị Thu Thảo	BS điều trị	Y học cổ truyền	0014169/BYT-CCHN

2. Nhân sự y tế từ nước ngoài

STT	Họ và tên người hành nghề	Vị trí chuyên môn	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Ngày sinh	Số Passport
1	BS. Phung Lanh	BS điều trị	Y khoa tổng quát	A48978	20/09/1954	589727553
2	BS. Thao Yen Hoang	BS điều trị	Y khoa tổng quát	20A6854	06/03/1969	574712932
3	BS. Quach Thomas	BS điều trị	Y khoa tổng quát	G80556	14/03/1967	581151165
4	BS. Frank Hoan Tran	BS điều trị	Y khoa tổng quát	A53470	05/11/1965	505422759
5	BS. Do Duc	BS điều trị	Y khoa tổng quát	A70134	11/09/1967	572904178
6	BS. Timothy Bui	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	DDS34593	26/12/1960	586280533
7	BS. Thanh Thi Dinh	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	DDS46256	20/01/1974	599047886
8	BS. Dave Loc Quang Do	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	DDS46257	10/12/1973	599047883
9	BS. Nguyen Kyra	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	DDS45158	18/05/1971	530197730
10	BS. Hoang Alexis	BS điều trị	Khám chữa bệnh chuyên môn Răng Hàm Mặt	DDS50269	26/01/1975	575604306
11	BS. Hoa Vu Nhu	BS điều trị	Khám chữa bệnh	DDS47331	15/02/1971	526805736

	Truong		chuyên môn Răng Hàm Mặt			
12	DS. Hoang Mimi	Dược sĩ	Phát thuốc điều trị	RPH 58300	29/12/1972	654219614
13	DS. Phuong Trang Thi Cao	Dược sĩ	Phát thuốc điều trị	RPH 52799	17/06/1970	572004179
14	BS. Stacey Le-Tran	BS điều trị	Y khoa tổng quát	ML1007473	27/08/1967	545803730

3. Tình nguyện viên nước ngoài

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số Passport
1	Jenny Chiem	07/03/2000	590554892
2	Samantha Dinh	20/10/1999	597657551
3	Thu Nguyen	12/06/2000	682708779
4	Rakesh Nemmani	02/08/2001	663334859
5	Jaehyuk Song	23/12/1999	A15359884
6	Katherine Tang	22/09/2000	A13396452
7	Catherine Do	17/10/2000	554918742
8	Tuyen Nguyen	28/08/2001	644617464
9	Jules Hoang	25/07/2002	654880002
10	Elaine Tran	03/04/2001	663509043
11	Connie Tran	01/11/2002	654557568
12	Vivian Tang	28/12/2000	556908742
13	Meagan Luong	25/12/2000	582130686
14	Kelsey Lam	10/11/2001	654130314
15	Sarah Kang	29/11/2000	675436056
16	Jeffrey Nguyen	01/03/2003	682721597
17	Justin Hashemi	14/02/2003	674185357
18	Kristy Le	12/01/2001	A08674801
19	Michelle Pham	15/08/2003	599028012
20	Marianne Aquino	04/12/2002	645585337
21	Caitlyn Kim	09/04/2002	654944011
22	Mathew Wong	22/10/2002	A07643288
23	Calvin Ma	24/06/2002	A14470355
24	Henry Le	19/09/2003	678575917
25	Sarthak Mishra	10/01/2004	A13408755
26	Justin Nguyen	01/05/2002	A15344475
27	Cesar Ruiz	31/10/2001	A18494019
28	Hyesung Yun	30/05/2001	M14110447
29	Charles Hoang	20/03/2002	A05620903
30	Samantha Quach	16/01/2002	576954740
31	Logan Hoang	18/02/2004	664446001
32	Kayla Nguyen	31/01/2003	662074189
33	Tanya Tran	20/02/2005	664864324
34	Tatyana Tran	16/04/2004	664864325
35	Dylan Do	13/02/2003	682808050
36	Emily Do	24/01/2006	682881206
37	Chance Hoang	24/10/2006	A05629768
38	Callista Do	18/01/2006	664578878
39	Benjamin Quach	15/02/2006	A07011139
40	Maxwell Nguyen	25/02/2006	A02192727
41	Mason Nguyen	26/11/2007	647611710
42	Skye Doan	24/03/2005	665318920

43	Khanh Bui	20/07/1963	566485161
44	Trenton Tran	25/03/2009	664864326
45	Jenny Lee	29/11/1968	581151163
46	Johnny Duc Nguyen	26/12//1996	599150368

LCH TIM MẠCH NHI VÀ TIM BẨM SINH TP.HCM

Chủ tịch

TS. ĐỖ NGUYÊN TÍN

LIÊN CHI HỘI TIM MẠCH NHI VÀ TIM BẨM SINH TP. HỒ CHÍ MINH
341 Sư Vạn Hạnh, phường 10, quận 10, Tp. HCM
F: [+84] 913723437 E: donguyentin@congenitalheartdisease.net.vn